

Phù Mỹ, ngày 17 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

(Đối với các cơ sở giáo dục phổ thông)

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trung Trực
2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)

Địa chỉ: 28, Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định

Điện thoại:

Cổng thông tin điện tử: <https://thpt-ntt-binhdinh.edu.vn/>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có)

Loại hình: Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở GD&ĐT Bình Định

4. **Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục**

+Sứ mạng

Xây dựng môi trường học tập an toàn, thân thiện, nền nếp, kỷ cương, chất lượng, nhân văn; đội ngũ vừa hồng vừa chuyên, mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên đều có cơ hội phát triển tài năng, tư duy sáng tạo; tạo cơ hội cho học sinh phát huy hết những năng lực bản thân.

+ Tầm nhìn

Trường THPT Nguyễn Trung Trực hướng tới mục tiêu trở thành một ngôi trường có chất lượng, giáo dục ra những học sinh tốt về đạo đức, giỏi về trí lực, mạnh khỏe về thể chất, có kỹ năng sống tốt, đáp ứng cho việc tiếp tục học lên các lớp trên hoặc đi vào cuộc sống; là nơi học sinh có thể tin tưởng, lựa chọn để học tập và rèn luyện; nơi giáo viên luôn có khát vọng vươn tới xuất sắc, thành đạt và hạnh phúc.

+Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường

Yêu Tổ quốc, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

+Mục tiêu chung

Nâng cao tinh thần đoàn kết; Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại. Tăng cường nền nếp, kỷ cương và chất lượng, hiệu quả giáo dục; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội, cộng đồng của học sinh; giảm tỷ lệ học sinh bỏ học; phấn đấu đạt chuẩn Quốc gia vào năm 2025.

Tập trung làm tốt công tác xây dựng Đảng, Chính quyền và các tổ chức đoàn thể vững mạnh về chính trị, có bản lĩnh và năng lực lãnh đạo để hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, xây dựng nhà trường phát triển vững mạnh.

Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả giáo dục, góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả đổi mới căn bản, toàn diện về giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4-11-2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về *“Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*; chỉ đạo và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hiện tốt chương trình phổ thông 2018.

Nâng cao tinh thần đoàn kết, dân chủ, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ đề chung tay xây dựng nhà trường ngày càng phát triển.

Tạo dựng được môi trường học tập, rèn luyện đạt chất lượng trong các trường THPT của tỉnh; xây dựng được thương hiệu nhà trường, tạo niềm tin đối với cha mẹ học sinh

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường THPT Nguyễn Trung Trực huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định lúc đầu được gọi là trường PTTH cấp 2,3 bán công, được thành lập vào ngày 06/08/1997 theo Quyết định số 2098/QĐ-UB của UBND tỉnh Bình Định.

Giai đoạn đầu địa điểm xây dựng trường là một vùng đất trống với nhiều hố bom mìn do chiến tranh để lại. Sở GD&ĐT Bình Định và chính quyền địa phương đã hỗ trợ san lấp mặt bằng, rà phá bom mìn, xây dựng cơ sở vật chất (CSVC) cho trường. Năm học đầu tiên (niên khóa 1997 – 1998), toàn trường có 12 lớp học, với 640 học sinh, với 17 cán bộ, giáo viên, nhân viên (trong đó có 13 giáo viên trực tiếp giảng dạy). CSVC còn thiếu thốn, phải mượn tạm cơ sở của Trường tiểu học Thị trấn Phù Mỹ để dạy - học; đội ngũ giáo viên hầu hết mới ra trường chưa có kinh nghiệm đứng lớp, đời sống của cán bộ, giáo viên còn khó khăn, thiếu thốn.

Năm học thứ 2 (1998-1999) trường đã xây dựng cơ bản phòng học và phòng làm việc, đảm bảo cho việc tổ chức dạy học. Điều này khẳng định sự quan tâm của các cấp, sự nỗ lực không ngừng của các thế hệ giáo viên, học sinh của trường đã đóng góp rất lớn vào sự nghiệp phát triển giáo dục của nhà trường, tạo động lực, tiền đề cho sự phát triển của trường sau này.

Đến năm 2012, được chuyển đổi sang loại hình công lập tự chủ. CSVC nhà trường được đầu tư ngày càng khang trang, bề thế với tổng diện tích hơn 18.000 m², gồm 20 phòng học, khu hiệu bộ và một số phòng chức năng, công trình phụ khác, các thiết bị, dụng cụ đảm bảo phục vụ cho hoạt động giáo dục và đào tạo. Khuôn viên nhà trường và cảnh quang môi trường thân thiện, xanh, sạch, đẹp, có sân bóng đá, bóng chuyền, khu hoạt động ngoài giờ và học tập thể dục riêng biệt.

Tỷ lệ tuyển sinh của trường hằng năm là 40% tổng số học sinh lớp 9 tại địa bàn tuyển sinh gồm: Xã Mỹ Quang, xã Mỹ Hiệp, xã Mỹ Tài, xã Mỹ Hoà, xã Mỹ Trinh và thị trấn Phù Mỹ.

Qua 25 năm xây dựng và phát triển, trường THPT Nguyễn Trung Trực có cơ ngơi khang trang, khuôn viên sinh hoạt rộng rãi, thoáng mát, cơ sở vật chất đáp ứng được nhu cầu dạy và học. Các phong trào thi đua dạy tốt, học tốt được chú trọng, đặc biệt là phong trào thi đua đổi mới, sáng tạo trong dạy và học, công tác giáo dục đạo đức và dạy phụ đạo cho đối tượng học sinh yếu, kém. Các đoàn thể trong nhà trường được cấp trên đánh giá, xếp loại vững mạnh xuất sắc và đạt nhiều hình thức khen thưởng góp phần tạo nên thành tích chung của trường. Trong quá trình hoạt động, nhà trường đã đào tạo nhiều thế hệ học sinh trở thành những công dân có ý thức học tập để lập thân, lập nghiệp, bảo vệ và xây

dựng Tổ quốc Việt Nam. Những năm qua, trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và thực hiện đổi mới nền giáo dục Việt Nam, Trường THPT Nguyễn Trung Trực gặp nhiều khó khăn, thách thức về cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ giáo viên, tính ổn định của nhà trường. Đến nay, nhà trường đang dần hoàn thiện và phát triển, chất lượng giáo dục ngày càng nâng cao, đáp ứng các điều kiện để chuẩn bị thực hiện Chương trình GDPT 2018 theo lộ trình.

+ Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường.

- Có 01 Chi bộ trực thuộc Huyện ủy với tổng số đảng viên: 43; cấp ủy chi bộ gồm 04 người. Bí thư là đồng chí Phạm Mạnh Cường

- Trường có Hội đồng trường gồm 13 thành viên. Chủ tịch Hội đồng trường là Ông Phạm Mạnh Cường, Hiệu trưởng.

- Ban Thanh tra nhân dân nhà trường có 03 GV, trong đó có 01 Trưởng ban.

- Công đoàn cơ sở trường trực thuộc Công đoàn ngành GD và ĐT Bình Định, thực hiện chức năng nhiệm vụ theo Điều lệ công đoàn Việt nam. Ban chấp hành công đoàn có 07 đồng chí. Trong đó : 01 chủ tịch; 01 phó chủ tịch và 05 ủy viên. 100% CBGV-NV là đoàn viên công đoàn được tổ chức thành 07 tổ công đoàn, mỗi tổ công đoàn có 01 tổ trưởng.

- Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh: Đoàn trường là tổ chức Đoàn cơ sở trực thuộc Huyện đoàn Phù Mỹ thực hiện chức năng nhiệm vụ theo Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Ban Thường vụ đoàn trường có 05 đồng chí. Trong đó : 01 Bí thư; 02 Phó Bí thư và 02 ủy viên.

- Hội Liên hiệp thanh niên VN trường là tổ chức Hội cơ sở trực thuộc Hội LHTN Việt Nam huyện Phù Mỹ thực hiện chức năng nhiệm vụ theo Điều lệ Hội LHTN Việt Nam.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Người đại diện pháp luật: Phạm Mạnh Cường

Chức vụ: Bí thư chi bộ- HT

Địa chỉ nơi làm việc: 28-Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định

Số điện thoại: 0983442085 Email: phammanhcuong@thpt-ntt-binhding.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có)

Quyết định số 2098/QĐ-UB ngày 06/08/1997 của UBND tỉnh Bình Định

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

- Quyết định số 4604/QĐ-SGDĐT ngày 22/11/2024 Về việc bổ sung, kiện toàn Hội đồng trường.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh	Ghi chú
1	Phạm Mạnh Cường	BT Chi bộ Hiệu trưởng		
2	Phan Hữu Duy	Phó CT UBND	Đại diện chính	

		huyện Phù Mỹ	quyền địa phương	
3	Trương Thị Thúy Diễm	Chủ tịch công đoàn		
4	Bùi Thị Thảo	Bí thư đoàn trường	Đại diện Đoàn TN CS Hồ Chí Minh	
5	Phạm Hoàng Nghĩa	Tổ trưởng tổ chuyên môn	Đại diện tổ Toán-Tin	
6	Võ Hùng Thái	Tổ trưởng tổ chuyên môn	Đại diện tổ Hóa-Sinh	
7	Nguyễn Văn Học	Tổ trưởng tổ chuyên môn	Đại diện tổ Lý-Địa-CN	
8	Hoàng Thanh Hùng	Tổ trưởng tổ chuyên môn	Đại diện tổ Văn-Sử-GDKT&PL	
9	Võ Thị Hằng	Tổ trưởng tổ chuyên môn	Đại diện tổ Tiếng Anh	
10	Phạm Đắc Lộc	Tổ trưởng tổ chuyên môn	Đại diện tổ TD-QP	
11	Nguyễn Thị Nga	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Đại diện tổ Văn phòng	
12	Nguyễn Hữu Thiện	Trưởng ban Đại diện cha mẹ HS.	Đại diện Hội cha mẹ học sinh	
13	Phan Thị Thu Hiền	Học sinh lớp 11A ₆	Đại diện học sinh	

- Quyết định số 569/QĐ-SGDĐT ngày 01/04/2021 Về việc Công nhận Chủ tịch Hội đồng trường. (Chủ tịch HĐ trường là Ông Phạm Mạnh Cường- HT)

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục

- Quyết định số 3008/QĐ-SGDĐT ngày 23/08/2024 Về việc Bổ nhiệm lại Hiệu trưởng (Ông Phạm Mạnh Cường- HT)

- Quyết định số 4719/QĐ-SGDĐT ngày 12/12/2024 Về việc Bổ nhiệm lại phó Hiệu trưởng (Ông Phan Thanh Dũng- Phó HT)

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

Hoạt động của nhà trường thực hiện theo điều 3, Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, ban hành kèm theo thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020, cụ thể:

1. Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

3. Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

5. Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.
6. Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.
7. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
8. Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.
9. Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
10. Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.
11. Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
12. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

+Cơ cấu tổ chức

Tổng số CB, GV, NV: 51, trong đó: cán bộ quản lý: 02; giáo viên: 42; nhân viên: 06 (03 biên chế trong đó: 01 Kế toán; 01 Thư viện; 01 Y tế; 03 nhân viên hợp đồng công (02 bảo vệ; 01 nhân viên phục vụ). 100% GV và cán bộ quản lý đạt chuẩn (có 07 Thạc sỹ, trong đó: 01 QLGD; 01 Lịch sử; 01 Địa lý; 02 Sinh học; 01 Hóa học; 01 Tiếng Anh). Toàn bộ viên chức và nhân viên được cơ cấu thành 6 tổ chuyên môn và 1 tổ VP (Tổ Văn-Sử-GDCD; Tổ Toán-Tin; Tổ Hóa-Sinh; Tổ Lý-Địa-CN; Tổ Ngoại ngữ; Tổ Thể dục-QP; Tổ Văn phòng)

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

STT	Họ tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Phạm Mạnh Cường	Hiệu trưởng	0983442085	phammanhcuong@thpt-ntt-binhdingh.edu.vn
2	Phan Thanh Dũng	Phó HT	0984335509	dunglyntt@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: 28-Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn Phù Mỹ, Bình Định

7. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Chiến lược phát triển nhà trường:

Kế hoạch chiến lược phát triển trường THPT Nguyễn Trung Trực giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030, Số: 16/KH-NTT ngày 05/09/2020, được Giám Đốc Sở GDĐT Bình Định phê duyệt.

STT	Tên quy chế đã ban hành	
1.	Quy chế tiếp công dân	
2.	Quy chế làm việc và công tác chuyên môn	
3.	Quy chế công tác dân vận	
4.	Quy chế dân chủ	

5.	Quy chế sử dụng con dấu	
6.	Quy chế đánh giá viên chức	
7.	Quy chế bảo vệ cơ quan	
8.	Quy chế công tác văn thư	
9.	Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công	
10.	Quy chế Quản lý tài chính	
11.	Quy chế kiểm tra đánh giá	
12.	Quy tắc ứng xử	
13.	Quy chế tiền thưởng	
14.	Quy chế chi tiêu nội bộ	
15.	Quy chế tư vấn học đường	

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng người làm việc được giao/phê duyệt		Số lượng người làm việc hiện có				
		Được giao	Tự chủ	Tổng cộng	Viên chức từ nguồn được giao	Viên chức từ nguồn tự chủ	HĐLĐ Chuyên môn nghiệp vụ	HĐLĐ hỗ trợ, phục vụ
I.	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý							
1	Hiệu trưởng	1		1	1			
2	Phó Hiệu trưởng	1		1	1			
II.	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành							
1	Giáo viên hạng I							
2	Giáo viên hạng II	1		1	1			
3	Giáo viên hạng III	41		41	41			
4	Thiết bị, thí nghiệm	0						
5	Giáo vụ	0						
6	Tư vấn học sinh	0						
7	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0						
III.	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung							
1	Thư viện	1		1	1			
2	Kế toán	1		1	1			
3	Văn thư	1		1	1			
4	Thủ quỹ							
5	Y tế học đường	1		1	1			
IV.	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ							
1	Nhân viên Bảo vệ		2	2				2

2	Nhân viên Phục vụ		1	1			1
---	-------------------	--	---	---	--	--	---

2. Số lượng, tỉ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

Thực hiện đánh giá theo các quy định trong năm 2024

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý được đánh giá viên chức

- CBQL: Xếp loại Tốt: 02 Tỉ lệ: 100%

- Giáo viên Tổng số 42: Xếp loại Tốt: 39 Tỉ lệ: 92,8%.

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý được đánh giá chuẩn nghề nghiệp: 100% đạt loại Tốt

3. Số lượng, tỉ lệ giáo viên, cán bộ quản lý hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên theo quy định

- CBQL: Hoàn thành :02 Tỉ lệ:100%

- Giáo viên: Hoàn thành : 42 Tỉ lệ: 100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

TT	Điểm trường	Diện tích đất (m ²)	Diện tích bình quân (m ² /HS)	Đạt yêu cầu theo quy định
1	Điểm chính	18.919,7m ²	23,5m ²	Đạt

2. Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Diện tích	Đạt yêu cầu theo quy định
I	Khối phòng hành chính quản trị				
1	Phòng Hiệu trưởng	Phòng	1		Đạt
2	Phòng Phó Hiệu trưởng	Phòng	1		Đạt
3	Phòng làm việc của nhân viên	Phòng	2		Đạt
4	Phòng bảo vệ, khác	Phòng	1		Đạt
5	Khu vệ sinh giáo viên	Phòng	3		Đạt
6	Nhà để xe giáo viên	Phòng	2		Đạt
II	Khối phòng học tập				
1	Phòng học	Phòng	20	50m ²	Đạt
2	Phòng học bộ môn	Phòng	4		Đạt
3	Phòng đa chức năng	Phòng	2		Đạt
...					
III	Khối phòng hỗ trợ học tập				
1	Thư viện	Phòng	1		Đạt mức 1
2	Phòng thiết bị giáo dục	Phòng	1		
3	Phòng tư vấn học đường	Phòng	1	20m ²	Đạt
4	Phòng truyền thống	Phòng	1	48m ²	
5	Phòng Đoàn đội	Phòng	1	15m ²	
IV	Khối phụ trợ, sân chơi thể dục				

- + 9 điểm: Hạnh kiểm **Khá**, học lực **Giỏi** hoặc hạnh kiểm **Tốt**, học lực **Khá**.
- + 8 điểm: Hạnh kiểm **Khá**, học lực **Khá**.
- + 7 điểm: Hạnh kiểm **Trung bình**, học lực **Giỏi** hoặc hạnh kiểm **Tốt**, học lực **Trung bình**.
- + 6 điểm: Hạnh kiểm **Khá**, học lực **Trung bình** hoặc hạnh kiểm **Trung bình**, học lực **Khá**.
- + 5 điểm: Trường hợp còn lại.

-Điểm xét tuyển là tổng số điểm của: Tổng số điểm tính theo kết quả rèn luyện, học tập của 4 năm học ở THCS và điểm cộng thêm cho đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên.

Lưu ý: Điểm thi tuyển sinh vào lớp 10 KHÔNG liên quan tới việc xét tuyển hồ sơ vào trường THPT Nguyễn Trung Trực.

II. Đối tượng, độ tuổi, hồ sơ xét tuyển và số lượng và nguyên tắc xét tuyển:

1. Đối tượng:

+Những học sinh đã tốt nghiệp THCS thuộc địa bàn tuyển sinh của trường, gồm học sinh các trường THCS Mỹ Quang, Thị trấn Phù Mỹ, Mỹ Hòa, Mỹ Trinh, Mỹ Hiệp và Mỹ Tài (*Trừ học sinh Thôn Mỹ Hội và Thôn Kiên Phú thuộc xã Mỹ Tài xét tuyển vào trường THPT An Lương*).

+Học sinh **chưa** dự thi hoặc đã dự thi Tuyển sinh vào lớp 10 THPT nhưng **chưa** trúng tuyển đều được xét tuyển.

2. Độ tuổi:

a. Đối với thí sinh tốt nghiệp THCS trong năm học liền kề với kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10:

Thực hiện theo Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học. Cụ thể như sau:

- Tuổi của học sinh vào học lớp 10 là 15 tuổi. (**HS sinh năm 2009**)
- Đối với những học sinh được học vượt lớp ở cấp học trước hoặc học sinh vào cấp học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định thì tuổi lớp 10 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi của năm tốt nghiệp cấp học trước.
- Học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh ở nước ngoài về nước có thể vào cấp học ở độ tuổi cao hơn 3 tuổi so với tuổi quy định. (**HS sinh năm 2006-2007-2008**)

b. Đối với thí sinh tự do đã tốt nghiệp ở những năm trước:

Tuổi của học sinh vào học lớp 10 được phép cao hơn không quá 2 tuổi so với tuổi quy định. (**HS sinh năm 2007-2008**)

3. Hồ sơ dự xét tuyển: Học sinh thực hiện đăng ký trực tuyến bằng mã định danh do Sở GDĐT cấp.

- Truy cập vào địa chỉ <https://binhdinh.tsdc.vn.edu.vn> để nhập thông tin.

- Khai báo nội dung đăng ký theo mẫu Phiếu trên hệ thống.

- Scan hoặc bản chụp các loại giấy tờ liên quan:

- + Giấy xác nhận thuộc đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên (nếu có);
- + Giấy xác nhận do UBND xã, thị trấn cấp (đối với người học đã tốt nghiệp THCS từ những năm học trước) không trong thời gian thi hành án phạt tù; cải tạo không giam giữ hoặc vi phạm pháp luật;

Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ để sau khi trúng tuyển nộp cho nhà trường để kiểm tra thông tin, gồm:

- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ.
- Bằng tốt nghiệp THCS hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS tạm thời hoặc bản sao bằng tốt nghiệp THCS.

- Bản chính học bạ (cấp THCS);
- Giấy xác nhận thuộc đối tượng hưởng chính sách ưu tiên, khuyến khích. (*Bản sao Công chứng Giấy chứng nhận Con thương binh, bệnh binh...*)
- Đối với học sinh tốt nghiệp THCS từ những năm học trước, phải có UBND xã, thị trấn xác nhận không trong thời gian thi hành án phạt tù; cải tạo không giam giữ hoặc vi phạm pháp luật.
- 02 ảnh 3x4cm (Kiểu ảnh Chứng minh nhân dân, ảnh màu chụp không quá 01 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ.)

Lưu ý: nếu học sinh không thể đăng ký trực tuyến thì mang toàn bộ bản giấy của hồ sơ để tới trường THPT Nguyễn Trung Trực để được trợ giúp đăng ký.

4. Nguyên tắc xét tuyển

- Căn cứ chỉ tiêu và điểm xét tuyển, tiến hành xét tuyển từ điểm cao xuống thấp cho hết chỉ tiêu. Nếu đến cuối chỉ tiêu có nhiều học sinh có Điểm xét tuyển bằng nhau thì căn cứ điểm trung bình cả năm học lớp 9 của tất cả các môn có tính điểm trung bình để xếp từ cao xuống thấp; nếu vẫn có trường hợp bằng điểm nhau thì xét tiếp điểm trung bình của 02 môn Toán và Ngữ văn của năm học lớp 9.

- Số lượng tuyển sinh năm học 2024-2025 là: **300** học sinh (dự kiến phân thành 07 lớp)

III. Chính sách ưu tiên:

1. Cộng 1.5 điểm cho một trong các đối tượng:

- Con liệt sĩ; con thương (bệnh) binh mất sức lao động 81% trở lên; con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên; con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên;

- Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945; con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

2. Cộng 1.0 điểm cho một trong các đối tượng:

Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động, con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng; con thương (bệnh) binh mất sức lao động dưới 81%; con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%”.

3. Cộng 0.5 điểm cho một trong các đối tượng:

Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số; người học đang sinh sống, học tập ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (là các địa phương có trong Danh mục các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của chương trình 135; ở xã khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ; ở xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành của Ủy ban Dân tộc còn hiệu lực thi hành). Cụ thể:

Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn là các thôn, xã đặc biệt khó khăn có trong các Quyết định sau. Cụ thể:

- Xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025.

- Thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc về việc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025.

- Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 13/4/2015 về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Bình Định.

(Danh mục các thôn, xã đặc biệt khó khăn được hưởng chế độ ưu tiên theo danh sách đính kèm tại Phụ lục 2)

- Thí sinh có hộ khẩu thường trú tại các thôn, xã ở Phụ lục 2 nằm trong đối tượng người học đang sinh sống, học tập ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Huyện Phù Mỹ có các xã đáp ứng các yêu cầu ở trên là: Xã Mỹ Thắng, Xã Mỹ An, Xã Mỹ Thành, Xã Mỹ Đức, Xã Mỹ Châu

IV. Thời gian nhận hồ sơ và thông báo kết quả xét tuyển:

- Nhận hồ sơ xét tuyển trực tuyến từ ngày **15/6/2024 đến 17 giờ 00 ngày 07/07/2024** theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định.

- Niêm yết kết quả xét tuyển (bảng thông báo và Website <http://thpt-ntt-binhdinh.edu.vn>): ngay sau khi Sở GD&ĐT Bình Định phê duyệt (**chậm nhất ngày 13/07/2024**).

- Học sinh Đăng ký chọn tổ hợp môn học trực tuyến theo thông tin nhà trường cung cấp trên Website: đến hết **30/07/2024**.

- Học sinh tập trung xếp lớp học: **19/08/2024 (Thứ Hai)**

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

a) Năm học: 2023-2024

		Đơn vị	Tổng số	Chia ra		
				Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
1. Trường			1			
1.1 Trường trung học phổ thông		trường	1	x	x	x
	Phổ biến cho CMHS về các CTGD phòng, chống HIV trên nền tảng kỹ năng sống và giáo dục sức khỏe sinh sản.	Trường	0	x	x	x
2. Lớp		lớp		7	7	6
3. Học sinh		Học sinh	740	255	257	228
Trong tổng số	- Nữ	"	389	133	135	121
	- Dân tộc	"	1	1	0	0
	- Nữ dân tộc	"		1	0	0
	- Khuyết tật học hòa nhập	"		0	0	1
	- Học chương trình giáo dục của Bộ GD&ĐT về sức khỏe sinh sản và HIV/AIDS dựa trên kỹ năng sống	"		0	0	0
- Số học sinh chuyển đi trong năm học		"				
- Số học sinh chuyển đến trong năm		"				

học					
Tổng hợp kết quả cuối năm					
- Số học sinh lên lớp	"		252	257	0
- Số học sinh lưu ban	"		3	0	0
- Số học sinh thi lại	"		7	0	0
4. Giáo viên (tính cả hợp đồng từ 1 năm trở lên)	người		X	X	X
Tổng số GV và nhân viên được tập huấn và tham gia giảng dạy về phòng, chống HIV trên nền tảng kỹ năng sống và giáo dục sức khỏe sinh sản.	"		X	X	X
Trong đó : Số nhân viên được tập huấn và tham gia giảng dạy về phòng, chống HIV trên nền tảng kỹ năng sống và giáo dục sức khỏe sinh sản.	"		X	X	X

b) Thống kê kết quả đánh giá theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

ST T	Lớp	Số	N ữ	D T	N ữ D T	Học lực										Hạng kiểm							
						Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém		Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
						T S	N ữ	T S	N ữ	T S	N ữ	T S	N ữ	T S	N ữ	S L	N ữ	S L	N ữ	S L	N ữ	S L	N ữ
TỔNG CỘNG		740	389	1	1	53	33	45	25	22	10	7	5	0	0	636	349	88	34	8	3	8	3
Khối 10		255	133	1	1	6	2	11	0	64	2	7	5	0	0	197	108	52	23	1	0	5	2
1	10A1	35	17	0	0	2	0	18	8	14	8	1	1	0	0	32	15	2	2	0	0	1	0
2	10A2	35	18	0	0	0	0	19	13	16	5	0	0	0	0	29	17	5	1	0	0	1	0
3	10A3	37	21	1	1	1	0	26	16	10	5	0	0	0	0	28	15	9	6	0	0	0	0
4	10A4	36	23	0	0	1	0	9	6	26	17	0	0	0	0	34	23	2	0	0	0	0	0
5	10A5	37	13	0	0	1	1	10	3	24	8	2	1	0	0	26	10	9	2	0	0	2	1
6	10A6	37	18	0	0	1	1	16	11	19	6	1	0	0	0	28	18	9	0	0	0	0	0
7	10A7	38	23	0	0	0	0	12	7	23	13	3	3	0	0	20	10	16	12	1	0	1	1
Khối 11		257	135	0	0	18	12	1	89	88	34	0	0	0	0	218	124	31	9	5	1	3	1
8	11A1	41	19	0	0	4	0	27	13	10	6	0	0	0	0	40	19	1	0	0	0	0	0
9	11A2	37	17	0	0	2	2	18	10	17	5	0	0	0	0	24	13	9	3	4	1	0	0
10	11A3	40	11	0	0	3	2	17	6	20	3	0	0	0	0	36	11	3	0	0	0	1	0
11	11A4	37	31	0	0	5	5	29	25	3	1	0	0	0	0	36	31	1	0	0	0	0	0
12	11A5	38	25	0	0	4	3	30	21	4	1	0	0	0	0	37	25	1	0	0	0	0	0
13	11A6	33	16	0	0	0	0	17	7	16	9	0	0	0	0	27	14	6	2	0	0	0	0
14	11A7	31	16	0	0	0	0	13	7	18	9	0	0	0	0	18	11	10	4	1	0	2	1
Khối 12		228	121	0	0	29	19	0	98	9	4	0	0	0	0	221	117	5	2	2	2	0	0
15	12A1	35	18	0	0	7	5	27	13	1	0	0	0	0	0	35	18	0	0	0	0	0	0
16	12A2	37	21	0	0	6	3	30	18	1	0	0	0	0	0	36	20	0	0	1	1	0	0
17	12A3	38	19	0	0	8	5	30	14	0	0	0	0	0	0	38	19	0	0	0	0	0	0

18	12A4	38	21	0	0	1	0	33	19	4	2	0	0	0	0	34	19	3	1	1	1	0	0
19	12A5	40	22	0	0	3	3	34	17	3	2	0	0	0	0	38	21	2	1	0	0	0	0
20	12A6	40	20	0	0	4	3	36	17	0	0	0	0	0	0	40	20	0	0	0	0	0	0

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh được trúng tuyển vào các cơ sở nghề nghiệp, trúng tuyển vào đại học

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình: 228 Tỷ lệ: 100%

- Số học sinh được cấp bằng tốt nghiệp: 228 Tỷ lệ: 100%

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định của pháp luật, trong đó có các khoản thu, chi hoạt động như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	NỘI DUNG	NĂM BÁO CÁO (NĂM 2024)	NĂM TRƯỚC LIÊN KÈ (NĂM 2023)
A	CÁC KHOẢN THU		
1	Ngân sách nhà nước hỗ trợ	10.325.862.080	8.213.092.095
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Ngân sách nhà nước giao tự chủ tài chính	8.696.596.000	7.284.234.037
1.2	Ngân sách nhà nước giao không tự chủ tài chính	1.629.266.080	928.858.058
1.3	Ngân sách nhà nước hỗ trợ khác		
2	Thu học phí	938.205.000	909.840.0000
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Học phí THCS		
2.2	Học THPT	938.205.000	909.840.0000
2.3	Học phí GDTX		
2.4	Học phí khác (liên kết đào tạo...)		
3	Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học	1.307.490.000	1.603.665.000
3.1	Dạy thêm, học thêm	1.292.844.000	1.588.916.000
3.2	Y tế học đường	12.450.000	12.205.000
3.3	Tuyển sinh đại học	2.196.000	2.544.000
B	CÁC KHOẢN CHI		
B.1	Ngân sách nhà nước hỗ trợ	10.325.862.080	8.213.092.095
1	Chi lương và thu nhập cho CB, GV, NV và người lao động	8.761.622.734	6.788.954.383
2	Chi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ	542.977.194	505.771.593
3	Chi cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị dạy học	170.673.000	115.282.000
4	Chi khác	850.589.152	803.084.119
B.2	Chi học phí	938.205.000	909.840.0000
1	Chi lương và thu nhập cho CB, GV, NV	592.373.598	513.441.783

	và người lao động		
2	Chi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ	289.437.302	109.488.276
3	Chi cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị dạy học	0	0
4	Chi thực hiện nghĩa vụ nhà nước (thuế TNDN)	18.764.100	
5	Chi khác	37.630.000	286.909.941
B.3	Chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học	1.031.349.000	475.748.000
1	Tiền dạy thêm, học thêm	1.292.844.000	1.588.916.000
1.1	Chi thực hiện nghĩa vụ nhà nước (thuế TNDN)	25.856.880	31.778.320
1.2	Chi trả tiền trực tiếp giảng dạy	988.249.954	1.214.567.390
1.3	Chi công tác quản lý	190.048.068	233.570.652
1.4	Chi sửa chữa CSVC, tiền điện, nước	88.689.098	19.510.453
1.5	Chi 40% cải cách tiền lương		45.883.000
1.6	Chi trích lập quỹ phát triển HDSN		43.606.185
2	Y tế học đường	12.450.000	12.205.000
3	Tuyển sinh đại học	2.196.000	2.544.000

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học

- Kinh phí ngân sách cấp bù miễn, giảm học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP: 26.835.000 đồng. Trong đó:

+ Học kỳ II năm học 2023-2024: 28.375.000 đồng, hệ công lập tự chủ với số lượng miễn 100% học phí: 26 học sinh (chia theo vùng nông thôn, thành thị: 07 học sinh thành thị, 21 học sinh nông thôn); giảm 70% học phí: 0 học sinh; giảm 50% học phí: 25 học sinh (chia theo vùng nông thôn, thành thị: 17 học sinh nông thôn, 8 thành thị).

+ Học kỳ I năm học 2024-2025: 24.340.000 đồng, hệ công lập tự chủ với số lượng miễn 100% học phí: 26 học sinh (chia theo vùng nông thôn, thành thị: 05 học sinh thành thị, 21 học sinh nông thôn); giảm 70% học phí: 0 học sinh; giảm 50% học phí: 31 học sinh (chia theo vùng nông thôn, thành thị: 22 học sinh nông thôn, 9 thành thị). - Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: 16.950.000 đồng. Trong đó: HKII năm học 2023-2024: 18.000.000 đồng, với số lượng: 18 học sinh và HKI năm học 2024-2025: 14.400.000 đồng, với số lượng 24 học sinh.

3. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có)

Đơn vị tính: đồng

TT	NỘI DUNG	NĂM BÁO CÁO (Năm 2024)	NĂM TRƯỚC LIÊN KÈ (Năm 2023)
1	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	357.000.000	351.617.095
2	Quỹ bổ sung thu nhập	258.769.593	610.959.945
3	Quỹ khen thưởng	30.000.000	14.345.497
4	Quỹ phúc lợi	250.941.864	166.381.394
5	Các Quỹ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).		
	Tổng cộng	896.711.457	1.143.303.931

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRONG TÂM KHÁC

Tập thể viên chức và người lao động nhà trường đoàn kết, có tinh thần trách nhiệm cao, chung tay xây dựng và phát triển nhà trường, phấn đấu đạt chuẩn quốc gia năm 2025.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (báo cáo);
- Thông báo;
- Website của trường;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ*Phạm Mạnh Cường*